

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**



**BÀI VIẾT:
“TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN
VỀ TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU DỆT MAY CỦA VIỆT NAM
VỚI THỊ TRƯỜNG CPTPP THÁNG 7/2026”**

**Thuộc nhiệm vụ: “Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin
phục vụ triển khai Hiệp định CPTPP” năm 2026**

Hà Nội, 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG VÀ BIỂU ĐỒ	3
TÓM TẮT BÀI VIẾT	4
NỘI DUNG CHI TIẾT.....	6
I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU DỆT MAY CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG CPTPP TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026	6
1. Đánh giá tổng quan tình hình xuất khẩu dệt may sang thị trường CPTPP trong tháng 6/2026 và 6 tháng đầu năm 2026	6
2. Cơ cấu thị trường xuất khẩu hàng dệt may trong số các thành viên Hiệp định CPTPP	6
3. Cơ cấu chủng loại mặt hàng dệt may xuất khẩu của Việt Nam sang các nước thị trường thành viên Hiệp định CPTPP	9
5.Đánh giá về sức cạnh tranh của mặt hàng dệt may Việt Nam tại các thị trường thành viên CPTPP	13
II. CẬP NHẬT THÔNG TIN CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH HÀNG DỆT MAY.....	19
III. ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ DỰ BÁO	19

DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ BẢNG

Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường thành viên CPTPP trong giai đoạn 2024-2025.....	5
Bảng 2: Thị trường xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong tháng 6/2026 và 6 tháng đầu năm 2026	9
Bảng 3: Chứng loại dệt may xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang các thị trường CPTPP trong tháng 6/2026 và 6 tháng đầu năm 2026.....	10
Bảng 4: Nhóm các thị trường xuất khẩu mặt hàng dệt may (mã HS 62) nhiều nhất vào Australia trong 5 tháng đầu năm 2025	14
Bảng 5: Nhóm các thị trường xuất khẩu mặt hàng dệt may (mã HS 61) nhiều nhất vào Nhật Bản trong 6 tháng đầu năm 2025.....	18

BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong 6 tháng đầu năm giai đoạn 2020 - 2026	6
Biểu đồ 2: Nhóm 5 thị trường xuất khẩu dệt may lớn nhất thuộc CPTPP của Việt Nam trong 6 tháng năm giai đoạn 2025 - 2026.....	7
Biểu đồ 3: Nhóm 6 chứng loại xuất khẩu dệt may chủ lực của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm giai đoạn 2025 – 2026	10
Biểu đồ 4: Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong 6 tháng giai đoạn 2020 - 2025.....	7
Biểu đồ 5: Nhóm 5 nguồn cung hàng dệt, may lớn nhất của Nhật Bản trong 6 tháng đầu năm 2026.....	16

TÓM TẮT BÀI VIẾT

6 tháng đầu năm 2026: Nhật Bản dẫn đầu thị trường xuất khẩu dệt may của Việt Nam trong CPTPP

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan, trong 6 tháng đầu năm 2026, Việt Nam xuất khẩu 3,67 tỷ USD hàng dệt may sang các thị trường thành viên CPTPP, giảm nhẹ 1,82% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng 9,17% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang CPTPP. Tính riêng tháng 6/2026, kim ngạch xuất khẩu đạt 687,84 triệu USD, tăng 11,31% so với tháng 5/2026, nhưng giảm 2,23% so với tháng 6/2025. Tính chung 6 tháng đầu năm 2026, 5 thị trường xuất khẩu dệt may lớn nhất của Việt Nam trong nhóm CPTPP là Nhật Bản, Canada, Vương quốc Anh, Australia và Mexico, với tỷ trọng lần lượt là 53,93%; 15,88%, 12,04%; 8,41% và 3,35%.

Về thị trường: Trong 6 tháng đầu năm 2026, Nhật Bản dẫn đầu các thị trường xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam trong nhóm các thành viên CPTPP, với kim ngạch đạt 1,98 tỷ USD, giảm nhẹ 6,25% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng 53,93%. Xếp ở vị trí thứ hai là thị trường Canada, với kim ngạch giảm rất nhẹ 0,51% so với cùng kỳ năm 2025, trị giá 582,62 triệu USD, chiếm tỷ trọng 15,88%. Bên cạnh các thị trường chủ lực, xuất khẩu dệt may sang các thị trường có khoảng cách địa lý xa Việt Nam như Chile, Mexico hay Peru có tín hiệu tích cực, cho thấy dư địa mở rộng thị trường tại khu vực CPTPP vẫn còn đáng kể..

Về chủng loại: Áo thun là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu cao nhất sang các thị trường CPTPP trong 6 tháng đầu năm 2026, với tổng trị giá đạt 731,67 triệu USD, tăng đáng kể 17,56% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm tỷ trọng 19,94%. Xếp ở vị trí thứ hai là Quần với kim ngạch đạt 604,67 triệu USD, chiếm tỷ trọng 16,48% và giảm nhẹ 0,68% so với cùng kỳ năm 2025. Ngoài ra, Việt Nam còn xuất khẩu nhiều mặt hàng khác sang các thị trường CPTPP như Áo Jacket, Áo sơ mi hay Đồ lót ... với kim ngạch lần lượt đạt 497,55 triệu USD (tăng 15,92%), 266,90 triệu USD (giảm 21,11%) và 228,22 triệu USD (tăng 3,42%).

Đánh giá về sức cạnh tranh của mặt hàng dệt may Việt Nam tại các thị trường thành viên CPTPP:

+ Trong 5 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng dệt may (mã HS 62) từ thế giới của Australia giảm 0,74% so với cùng kỳ năm 2025, đạt 1,47 tỷ USD. Trong đó, nhập khẩu nhiều nhất từ 4 thị trường lớn gồm Trung Quốc, Việt Nam, Bangladesh và Indonesia, với tỷ trọng lần lượt là 56,96%; 10,09%; 9,41% và 5,00%. Vượt qua Bangladesh, Việt Nam vươn lên vị trí thứ hai sau Trung Quốc, với kim ngạch đạt 147,84 triệu USD, tăng 9,92% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm 10,09% thị phần.

+ Trong 6 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng dệt may (mã HS 61) từ thế giới của Nhật Bản tăng 2,20% so với cùng kỳ năm 2025, với kim ngạch đạt 5,92 tỷ USD. Trung Quốc tiếp tục là nguồn cung mặt hàng này lớn nhất cho Nhật Bản, với kim ngạch đạt 3 tỷ USD (chiếm 50,68% thị phần), tăng nhẹ 4,90% so với cùng kỳ năm 2025. Việt Nam xếp ở vị trí thứ hai, với kim ngạch đạt 1,13 tỷ USD, giảm nhẹ 5,37% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng 19,04%.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, ngành dệt may Việt Nam chịu tác động từ nhiều yếu tố bất lợi. Trong bối cảnh đó, Hiệp định CPTPP tiếp tục là động lực quan trọng hỗ trợ xuất khẩu dệt may, đặc biệt tại các thị trường trọng điểm. Dự báo trong quý III/2026, xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP có thể tăng nhẹ, nhờ nhu cầu nhập khẩu tại các thị trường chủ lực như Nhật Bản, Canada, Australia và Mexico phục hồi theo chu kỳ nhập hàng cho mùa Thu – Đông và mùa mua sắm cuối năm. Trong thời gian tới, cần tăng cường công tác xúc tiến thương mại để mở rộng thị trường, khai thác sâu hơn thị hiếu tiêu dùng của người dân. Đồng thời, doanh nghiệp cần chủ động tăng cường kết nối với các đối tác trong CPTPP, đa dạng hóa thị trường và đầu ra cho sản phẩm, qua đó tận dụng tốt hơn các ưu đãi từ Hiệp định.

NỘI DUNG CHI TIẾT

I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU DỆT MAY CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG CPTPP TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

1. Đánh giá tổng quan tình hình xuất khẩu dệt may sang thị trường CPTPP trong tháng 6/2026 và 6 tháng đầu năm 2026

Từ sau khi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chính thức có hiệu lực, các thị trường thành viên của Hiệp định ngày càng giữ vị trí quan trọng hơn đối với ngành dệt may Việt Nam, không chỉ bởi được hưởng những ưu đãi về thuế quan mà còn được đánh giá cao về tiềm năng và cơ hội rộng mở cho doanh nghiệp Việt Nam, như: Nhật Bản, Canada, Vương Quốc Anh và Mexico. Đây đều là những thị trường đang chiếm tỷ trọng xuất khẩu đáng kể trong cơ cấu ngành dệt may Việt Nam nói chung.

Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường thành viên CPTPP trong giai đoạn 2024-2026

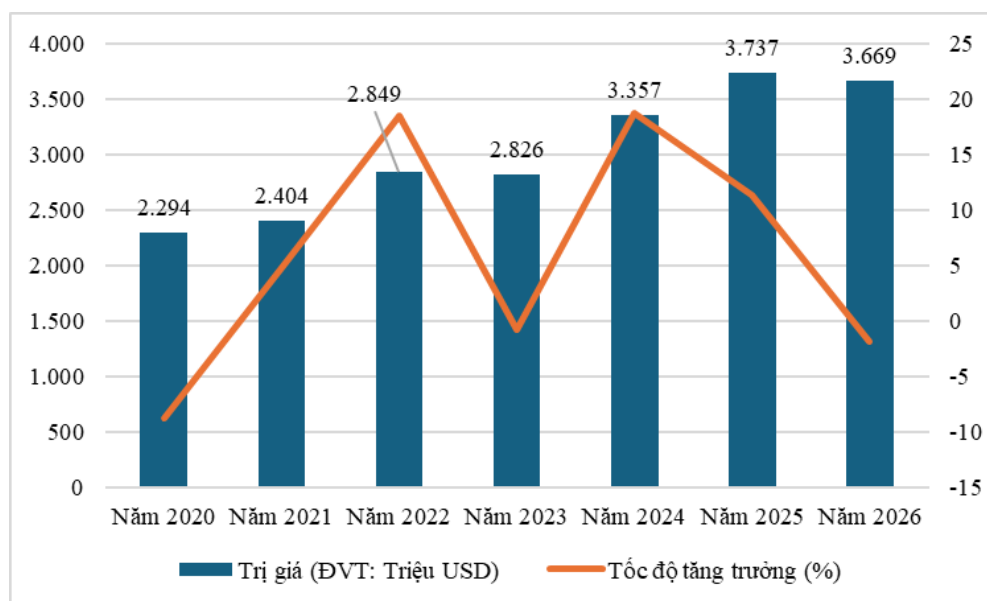
	6 tháng năm 2026 (Triệu USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Năm 2025 (Triệu USD)	So với năm 2024 (%)
Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang CPTPP	3.669	-1,82	8.015	6,49
Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường CPTPP	40.028	21,93	70.547	11,37
Tỷ trọng (%)	9,17		11,36	

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Theo số liệu từ Cục Hải quan, 6 tháng đầu năm 2026, Việt Nam xuất khẩu 3,67 tỷ USD hàng dệt may sang các thị trường thành viên CPTPP, giảm nhẹ 1,82% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng 9,17% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang CPTPP ... Kết quả này đạt được trong bối cảnh cộng đồng doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều yếu tố bất lợi. Trong 6 tháng qua, thị trường dệt may toàn cầu liên tục đối mặt với những biến động theo chiều hướng không thuận lợi do chi phí sản xuất, logistics tăng cao, căng thẳng địa chính trị tại một số khu vực gây ảnh hưởng đến quá trình vận chuyển và thời gian giao hàng của doanh

nghiệp. Ngoài ra, lạm phát tại một số nền kinh tế lớn như Canada, Nhật Bản có xu hướng tăng, gây sức ép lên sức mua và tiêu dùng.

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường CPTPP trong 6 tháng đầu năm giai đoạn 2020 - 2026



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

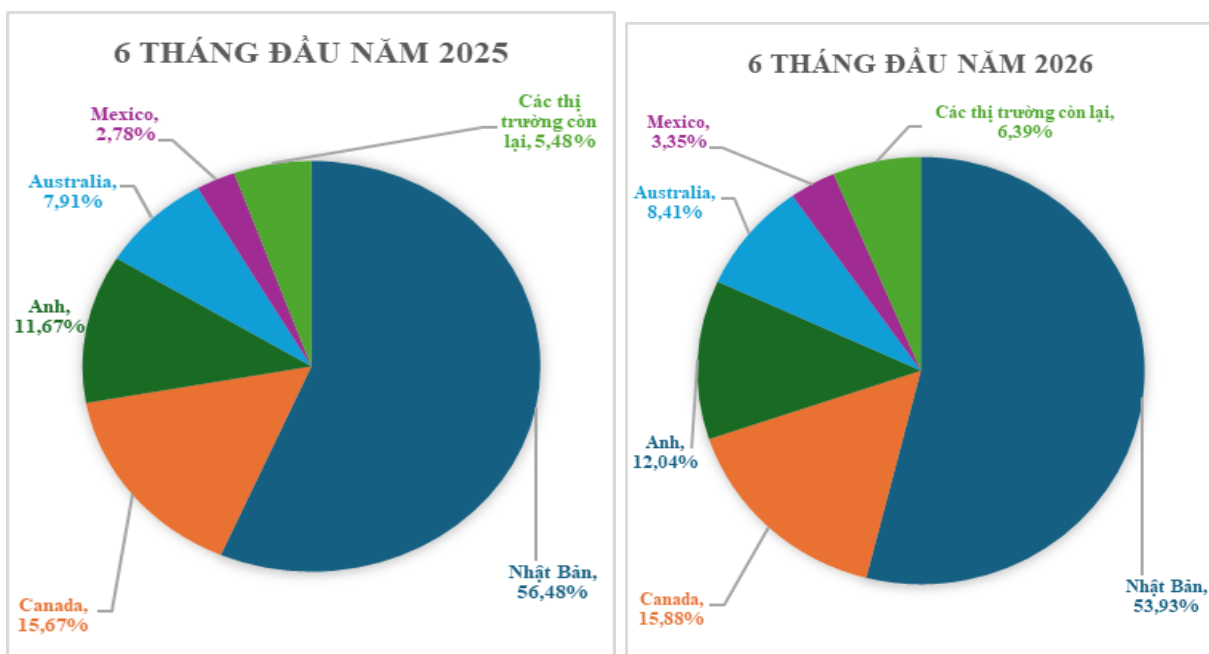
2. Cơ cấu thị trường xuất khẩu hàng dệt may trong số các thành viên Hiệp định CPTPP

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP trong 6 tháng đầu năm 2026 giảm nhẹ 1,82% so với cùng kỳ năm trước, đạt 3,67 tỷ USD.

Tính riêng tháng 6/2026, kim ngạch xuất khẩu đạt 687,84 triệu USD, tăng 11,31% so với tháng 5/2026, nhưng giảm nhẹ 2,23% so với tháng 6/2025. Trong đó, 5 thị trường xuất khẩu dệt may lớn nhất của Việt Nam trong nhóm tiếp tục là Nhật Bản, Canada, Vương quốc Anh, Australia và Mexico, với tỷ trọng lần lượt là 53,93%; 15,88%, 12,04%; 8,41% và 3,35%.

Biểu đồ 2: Nhóm 5 thị trường xuất khẩu dệt may lớn nhất thuộc CPTPP của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2025 và 2026

(tỷ trọng % tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

+ Nhật Bản giữ vững vị trí là thị trường xuất khẩu hàng dệt may lớn nhất của Việt Nam trong các thị trường thành viên CPTPP. Cụ thể, kim ngạch trong tháng 6/2026 đạt 359,12 triệu USD, tăng 17,96% so với tháng 5/2026, nhưng giảm nhẹ 6,53% so với tháng 6/2025; lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu sang Nhật Bản đạt 1,98 tỷ USD, giảm nhẹ 6,25% so với cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng 53,93%.

+ Ở vị trí thứ hai là thị trường Canada, với kim ngạch xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm 2026 giảm 0,51% so với cùng kỳ năm 2025, trị giá 582,62 triệu USD, chiếm tỷ trọng 15,88%.

Theo Tham tán Thương mại Việt Nam tại Canada, trong những năm qua, các sản phẩm dệt may của Việt Nam khi xuất khẩu vào thị trường Canada đều được đánh giá cao về chất lượng, là một trong những nhà cung ứng đáp ứng tốt các yêu cầu kỹ thuật khắt khe từ đối tác. Doanh nghiệp dệt may Việt Nam luôn tích cực tham gia các sự kiện thương mại quốc tế, tăng cường gặp gỡ, thúc đẩy quan hệ hợp tác, kết nối với doanh nghiệp và các phân khúc khách hàng mới tại Canada. Những

yếu tố này góp phần giúp hàng dệt may Việt Nam duy trì vị thế tại thị trường Canada và mở rộng quan hệ với các đối tác, khách hàng mới.

+ Việc thực thi CPTPP tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp Việt Nam mở rộng xuất khẩu sang các thị trường như Chile, Mexico và Peru. Trong 6 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu dệt may sang các thị trường này đều ghi nhận mức tăng trên 5% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sang Mexico đạt 122,88 triệu USD (tăng 18,09%); Chile đạt 47,16 triệu USD (tăng 7,33%) và Peru đạt 8,57 triệu USD (tăng 8,49%). Mức tăng trưởng xuất khẩu sang các thị trường này cho thấy Hiệp định CPTPP không chỉ giúp doanh nghiệp Việt củng cố vị thế tại các thị trường lớn trong khu vực mà còn mở ra cơ hội đa dạng hoá thị trường tại khu vực Mỹ Latinh. Trong bối cảnh nhu cầu tại các thị trường truyền thống còn nhiều biến động, việc gia tăng sự hiện diện tại các thị trường CPTPP mới nổi sẽ góp phần giảm phụ thuộc vào thị trường lớn, nâng cao năng lực và khả năng chống chịu của ngành dệt may.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, việc khai thác nhóm thị trường này vẫn tồn tại nhiều thách thức, trong đó khoảng cách địa lý chính là yếu tố cản trở hàng đầu, khi ảnh hưởng đến chi phí vận chuyển và thời gian giao hàng đến đối tác. Ngoài ra, quy mô dân số và sức mua của Chile hay Peru cũng còn tương đối hạn chế, vì vậy để tạo được tăng trưởng đáng kể về kim ngạch cần thời gian và sự nỗ lực của các doanh nghiệp xuất khẩu.

Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Malaysia ghi nhận tốc độ tăng trưởng mạnh nhất so với cùng kỳ năm 2025, tăng 24,06% so với 6 tháng đầu năm 2025, kim ngạch đạt 100,01 triệu USD, chiếm 2,73% tổng kim ngạch. Ở chiều ngược lại, kim ngạch xuất khẩu dệt may sang thị trường Brunây ghi nhận mức giảm mạnh nhất so với các thị trường, với kim ngạch chỉ đạt 5 nghìn USD, giảm 51,58%.

**Bảng 2: Thị trường xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang thị trường CPTPP
trong tháng 6/2026 và 6 tháng đầu năm 2026**

Thị trường	Tháng 6/2026 (nghìn USD)	So với tháng 5/2026 (%)	So với tháng 6/2025 (%)	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						6 tháng năm 2025	6 tháng năm 2026
Tổng KNXXK	687.838	11,31	-2,23	3.669.220	-1,82	100,00	100,00
Nhật Bản	359.122	17,96	-6,53	1.978.922	-6,25	56,48	53,93
Canada	120.657	5,34	-5,25	582.616	-0,51	15,67	15,88
Vương quốc Anh	91.945	21,67	3,72	441.685	1,23	11,67	12,04
Australia	50.984	3,14	5,75	308.482	4,36	7,91	8,41
Mexico	19.833	-25,20	-9,70	122.882	18,09	2,78	3,35
Malaysia	21.460	3,69	59,37	100.011	24,06	2,16	2,73
Chile	8.045	-10,93	16,94	47.161	7,33	1,18	1,29
Singapore	9.914	-10,00	37,04	47.301	5,01	1,21	1,29
New Zealand	4.902	0,97	20,12	31.586	14,94	0,74	0,86
Peru	970	-48,26	-34,85	8.570	8,49	0,21	0,23
Brunây	5		305,32	5	-51,58	0,00	0,00

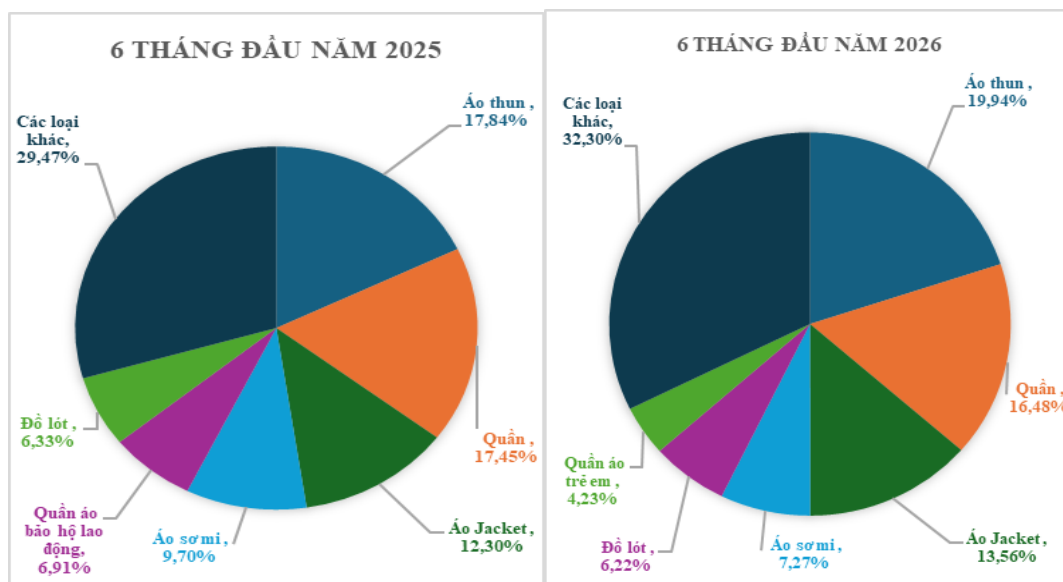
Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan

3. Cơ cấu chủng loại mặt hàng dệt may xuất khẩu của Việt Nam sang các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan, đứng đầu trong nhóm chủng loại dệt may xuất khẩu của Việt Nam sang các nước thành viên CPTPP trong 6 tháng đầu năm 2026 là mặt hàng Áo thun. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu trong tháng 6/2026 đạt 136,45 triệu USD, giảm nhẹ 0,29% so với tháng liền trước đó, nhưng tăng rất mạnh 153,91% so với tháng 6/2025. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, Việt Nam đã xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP tổng 731,67 triệu USD mặt hàng này, tăng 17,56% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm tỷ trọng 19,94% trong tổng trị giá xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang CPTPP.

Biểu đồ 3: Nhóm 6 chủng loại mặt hàng dệt may xuất khẩu chủ lực của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2025 và 2026

(tỷ trọng % tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan

Xếp ở vị trí thứ hai là mặt hàng Quần với kim ngạch xuất khẩu trong tháng 6/2026 đạt 118,12 triệu USD, tăng 17,19% so với tháng trước đó và tăng 8,07% so với tháng 6/2025. Tính chung 6 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này sang các thị trường thành viên CPTPP đạt 604,67 triệu USD, chiếm 16,48% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may sang CPTPP, giảm nhẹ 0,68% so với cùng kỳ năm 2025. Bên cạnh đó, Việt Nam còn xuất khẩu nhiều mặt hàng chủ lực khác sang các thị trường CPTPP như Áo Jacket, Áo sơ mi hay Đồ lót ... với kim ngạch lần lượt đạt 497,55 triệu USD (tăng 15,92%); 266,90 triệu USD (giảm 21,11%) và 228,22 triệu USD (tăng 3,42%).

Bảng 3: Chủng loại dệt may xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang các thị trường CPTPP trong tháng 6/2026 và 6 tháng đầu năm 2026

Chủng loại	Tháng 6/2026 (nghìn USD)	So với tháng 5/2026 (%)	So với tháng 6/2025 (%)	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						6 tháng năm 2025	6 tháng năm 2026
Tổng KNXX	687.838	11,31	-2,23	3.669.220	-1,82	100,00	100,00
Áo thun	136.450	-0,29	153,91	731.671	17,56	17,84	19,94
Quần	118.124	17,19	8,07	604.672	-0,68	17,45	16,48

Chủng loại	Tháng 6/2026 (nghìn USD)	So với tháng 5/2026 (%)	So với tháng 6/2025 (%)	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						6 tháng năm 2025	6 tháng năm 2026
Áo Jacket	124.232	64,80	20,11	497.554	15,92	12,30	13,56
Áo sơ mi	51.510	28,03	5,77	266.903	-21,11	9,70	7,27
Đồ lót	42.240	13,86	-0,59	228.223	3,42	6,33	6,22
Quần áo trẻ em	27.050	-8,71	-17,33	155.171	-0,39	4,47	4,23
Quần áo BHLĐ	17.485	-57,94	-64,51	152.685	-36,67	6,91	4,16
Quần Short	15.822	-3,46	-8,14	127.873	-4,50	3,84	3,49
Váy	20.268	21,62	15,52	123.628	-0,05	3,55	3,37
Áo len	29.886	70,79	-14,40	112.825	-6,67	3,47	3,07
Khăn bông	17.506	10,76	9,09	84.887	-8,29	2,65	2,31
Vải	12.245	-18,93	31,75	69.843	23,20	1,63	1,90
Hàng may mặc	9.003	13,91	8,34	48.044	0,51	1,37	1,31
Găng tay	9.625	-0,80	56,65	42.901	29,06	0,95	1,17
Bít tất	5.751	-33,12	-37,07	40.217	-24,24	1,52	1,10
Bộ quần áo	1.255	-75,87	-69,65	38.263	27,03	0,86	1,04
Quần áo bơi	7.316	108,89	148,86	32.627	85,30	0,50	0,89
Quần Jean	4.023	-42,84	22,29	21.479	-1,27	0,62	0,59
Bộ Comle	3.521	7,11	8,43	20.339	-12,77	0,67	0,55
Áo vest	3.615	-1,27	-24,22	20.123	-18,27	0,71	0,55
Quần áo ngủ	3.826	21,50	-6,03	18.439	-22,00	0,68	0,50
Áo Kimono	2.780	10,66	1,31	14.186	2,96	0,39	0,39
Quần áo y tế	2.218	-11,88	39,74	13.521	19,05	0,33	0,37
Áo Gile	1.741	-32,05	-12,90	12.731	26,51	0,29	0,35
Áo ni	2.965	38,83	7,65	9.163	-46,38	0,49	0,25
Khăn	3.313	1415,87	672,55	7.116	468,06	0,04	0,19
Chăn	1.251	80,36	50,62	5.297	11,04	0,14	0,14
PL may	281	0,17	13,14	5.289	348,00	0,03	0,14
Áo đạo hồi	389	-72,39	-1,48	3.549	82,01	0,06	0,10
Quần áo mưa	340	-1,83	1,79	3.399	122,85	0,04	0,09
Caravat, nơ	172	63,50	-50,36	1.075	126,72	0,01	0,03
Khăn bàn	107	47,80	-12,32	514	23,64	0,01	0,01
Màn	215		1761,19	248	27,41	0,01	0,01
Áo dài		-100,00		13	2039,17	0,00	0,00
Áo gió		-100,00	-100,00	12	-71,05	0,00	0,00
Loại khác	20	120,89	-95,29	374	-57,15	0,03	0,01

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Khăn và Phụ liệu may là hai mặt hàng có mức tăng trưởng xuất khẩu cao nhất so với cùng kỳ năm 2025 trong nhóm các mặt hàng chủ lực, lần lượt đạt 7,12 triệu USD (tăng 468,06%) và 5,29 triệu USD (tăng 348%). Tính riêng tháng 6/2026, kim ngạch xuất khẩu Khăn và Phụ liệu may đều tăng so với tháng 5/2026 và tháng 6/2025. Ở chiều ngược lại, Áo nỉ và Áo gió ghi nhận mức giảm lần lượt 46,38% và 71,05% so với cùng kỳ năm 2025, với kim ngạch đạt 9,16 triệu USD và 12 nghìn USD.

4. Đánh giá về sức cạnh tranh của hàng dệt may Việt Nam tại các thị trường thành viên CPTPP

- Nhập khẩu hàng dệt may (mã HS 62) vào thị trường Australia

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), trong 5 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng dệt may mã HS 62 từ thế giới của Australia giảm 0,74% so với cùng kỳ năm 2025, đạt 1,47 tỷ USD. Tính riêng trong tháng 5/2026, kim ngạch nhập khẩu đạt 250,42 triệu USD, tăng nhẹ 3,82% so với tháng 4/2026, nhưng giảm 6,42% so với tháng 5/2025. Trong đó, nhập khẩu nhiều nhất từ 4 thị trường lớn gồm Trung Quốc, Việt Nam, Bangladesh và Indonesia, với tỷ trọng lần lượt là 56,96%; 10,09%; 9,41% và 5,00%.

Trong tháng 5/2026, Trung Quốc là nguồn cung hàng dệt may lớn nhất cho Australia, đạt 142,88 triệu USD, tăng 7,86% so với tháng trước, nhưng giảm 12,42% so với tháng 5/2025. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2026, Trung Quốc tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu với kim ngạch đạt 834,55 triệu USD (chiếm 56,96% thị phần), giảm nhẹ 3,93% so với cùng kỳ năm 2025.

Vượt qua Bangladesh, Việt Nam vươn lên vị trí thứ hai với kim ngạch đạt 147,84 triệu USD, tăng 9,92% so với cùng kỳ năm 2025. Việt Nam tiếp tục là một trong những nguồn cung hàng dệt may quan trọng đối với thị trường Australia, chiếm 10,09% thị phần. Tính riêng trong tháng 5/2026, kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam tăng 6,21% so với tháng 4/2026 và tăng 10,40% so với tháng 5/2025, đạt 23,05 triệu USD.

Xếp ở vị trí thứ ba là Bangladesh với kim ngạch nhập khẩu từ thị trường này trong 5 tháng đầu năm 2026 đạt 137,86 triệu USD, giảm nhẹ 1,40% so với cùng kỳ năm 2025.

Trung Quốc, Bangladesh, Ấn Độ hay Indonesia đều là những đối thủ cạnh tranh lớn trong xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam trên thị trường quốc tế. Tuy nhiên, trong các tháng đầu năm 2026, các thị trường này cũng phải đối mặt với không ít thách thức. Mặc dù Bangladesh vẫn giữ lợi thế về chi phí lao động thấp và quy mô sản xuất hàng may mặc, song trong năm 2026, ngành dệt may nước này chịu nhiều sức ép do chi phí sản xuất tăng, lợi thế về giá suy giảm và khả năng mất thị phần tại thị trường EU. Trong khi đó, ngành dệt may Ấn Độ vẫn đối mặt với hạn chế về năng lực sản xuất quy mô lớn, thời gian giao hàng và chuỗi cung ứng phân mảnh. Đáng chú ý là, Hiệp định thương mại tự do giữa Ấn Độ và Vương quốc Anh đã có hiệu lực từ ngày 15/7/2026, qua đó mở ra khả năng cải thiện điều kiện tiếp cận thị trường Anh đối với hàng hóa Ấn Độ, trong đó có hàng dệt may. Đây có thể trở thành một yếu tố làm gia tăng sức ép cạnh tranh đối với các nhà cung cấp khác tại thị trường Anh trong thời gian tới.

Ngoài ra, trong топ 30 thị trường lớn nhất, nhập khẩu từ hai thị trường Ai Cập hay Litva ghi nhận mức tăng mạnh nhất so với cùng kỳ năm 2025, với kim ngạch lần lượt đạt 2,01 triệu USD (tăng 46,04%) và 1,29 triệu USD (tăng 35,54%). Ở chiều ngược lại, nhập khẩu từ Myanmar lại ghi nhận mức giảm mạnh nhất, với kim ngạch đạt 1,52 triệu USD, giảm 40,31%. Tuy nhiên, các thị trường này đều chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Australia.

Bảng 4: Nhóm các thị trường xuất khẩu hàng dệt may (mã HS 62) nhiều nhất vào Australia trong 5 tháng đầu năm 2026

Thị trường	Tháng 5/2026 (nghìn USD)	So với tháng 4/2026 (%)	So với tháng 5/2025 (%)	5 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng 5 tháng năm 2026 (%)
Thế giới	250.416	3,82	-6,42	1.465.268	-0,74	100,00
Trung Quốc	142.882	7,86	-12,42	834.551	-3,93	56,96
Việt Nam	23.053	6,21	10,40	147.842	9,92	10,09
Bangladesh	23.476	31,92	8,66	137.856	-1,40	9,41
Indonesia	12.137	-7,09	4,98	73.304	9,23	5,00
Ấn Độ	8.452	-1,80	-11,78	51.063	-10,29	3,48
Italia	9.668	-2,27	5,09	47.035	17,59	3,21
Campuchia	4.114	-28,77	5,65	24.919	8,88	1,70

Thị trường	Tháng 5/2026 (nghìn USD)	So với tháng 4/2026 (%)	So với tháng 5/2025 (%)	5 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng 5 tháng năm 2026 (%)
Pakistan	3.667	6,69	49,92	18.608	14,40	1,27
Sri Lanka	2.927	-6,72	-19,32	15.967	-2,87	1,09
Pháp	2.246	-60,07	14,30	15.701	29,58	1,07
Thổ Nhĩ Kỳ	2.009	-30,77	-12,35	13.798	6,90	0,94
Mexico	885	-75,94	-58,97	11.764	4,90	0,80
Hoa Kỳ	876	-33,18	-32,56	5.761	-13,41	0,39
Fiji	1.292	27,67	49,02	5.585	11,03	0,38
Romania	1.448	111,08	8,95	5.457	-6,51	0,37
Ma-rốc	1.101	35,09	9,33	5.285	7,03	0,36
Thái Lan	866	-2,37	-24,63	4.660	-10,57	0,32
Tunisia	617	-20,80	-28,17	4.472	-14,74	0,31
Vương quốc Anh	887	66,42	-11,83	3.556	-19,26	0,24
Bồ Đào Nha	681	-17,55	24,73	3.487	18,44	0,24
Nhật Bản	418	-19,92	2,20	2.372	27,05	0,16
Ai Cập	448	-16,57	49,83	2.011	46,04	0,14
Philippines	291	85,35	-42,94	1.813	-9,12	0,12
Jordan	238	235,21	101,69	1.523	-9,83	0,10
Madagascar	218	-25,09	-6,03	1.521	16,82	0,10
Myanmar	259	10,68	-21,28	1.516	-40,31	0,10
Ba Lan	278	-9,15	-44,40	1.415	-25,80	0,10
Litva	236	-20,00	95,04	1.289	35,54	0,09
Bulgaria	372	101,08	41,44	1.285	6,46	0,09
New Zealand	386	15,57	21,77	1.265	-13,18	0,09

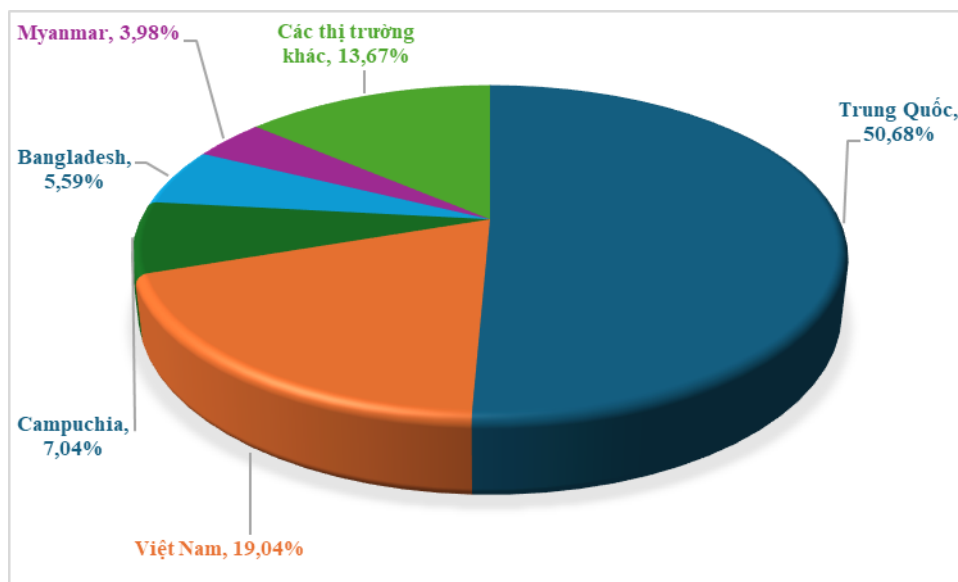
Nguồn: Trung tâm thương mại quốc tế (ITC)

- Nhập khẩu hàng dệt may (mã HS 61) vào thị trường Nhật Bản

Nhật Bản là một thị trường lớn, hiện đại, phát triển mạnh mẽ, song lại có những yêu cầu rất cao và khắt khe về chất lượng sản phẩm hàng may mặc, đòi hỏi doanh nghiệp xuất khẩu phải tuân thủ nghiêm ngặt. Những yêu cầu liên quan đến chất lượng đường may, kiểu dáng, độ bền của vải hay tiêu chuẩn an toàn hoá chất (nói không với các chất cấm như Azo, Formaldehyde ...), thời gian giao hàng đều được doanh nghiệp chú trọng. Ngoài ra, xu hướng ăn mặc tối giản, kết hợp hài hoà

với lối sống lành mạnh, thanh lịch đang ngày càng phổ biến tại Nhật Bản, buộc doanh nghiệp phải nghiên cứu kỹ thị hiếu tiêu dùng. Vì vậy, muốn có chỗ đứng và hiện diện lâu dài tại thị trường Nhật Bản, doanh nghiệp phải có sự đầu tư bài bản, chần chu trong từng khâu thực hiện, từ sản xuất đến quản lý kinh doanh.

Biểu đồ 4: Nhóm 5 nguồn cung hàng dệt may lớn nhất của Nhật Bản trong 6 tháng đầu năm 2026
(Tỷ trọng % tính theo trị giá)



Nguồn: Trung tâm thương mại quốc tế (ITC)

Trong những năm qua, để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng từ thị trường Nhật Bản, doanh nghiệp Việt Nam đã nỗ lực triển khai nhiều giải pháp, trong đó có đầu tư vào khoa học công nghệ hiện đại nhằm kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt trong từng công đoạn. Điển hình như duy trì bộ phận kiểm định nội bộ để đánh giá từng lô hàng trước khi xuất khẩu sang Nhật Bản, đầu tư dây chuyền AI kiểm lỗi tự động nhằm nâng cao độ chính xác... Để đáp ứng yêu cầu về môi trường, một số nhà máy áp dụng năng lượng mặt trời trên mái nhà xưởng, tiết kiệm điện và giảm phát thải CO₂, đây là điều mà nhiều đối tác Nhật Bản đánh giá rất cao.

Theo số liệu thống kê từ ITC, trong 6 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng dệt may (mã HS 61) từ thế giới của Nhật Bản tăng 2,20% so với cùng kỳ năm 2025, đạt 5,92 tỷ USD. Tính riêng trong tháng 6/2026, kim ngạch nhập khẩu đạt 893,57 triệu USD, tăng 11% so với tháng 5/2026 và tăng nhẹ 4,94%

so với tháng 6/2025. Trong đó, nhập khẩu nhiều nhất từ 5 thị trường gồm: Trung Quốc, Việt Nam, Campuchia, Bangladesh và Myanmar, với tỷ trọng lần lượt là 50,68%; 19,04%; 7,04%; 5,59% và 3,98%.

Trong tháng 6/2026, Trung Quốc tiếp tục là nguồn cung mặt hàng này lớn nhất cho Nhật Bản, với kim ngạch đạt 437,55 triệu USD, tăng 4,40% so với tháng trước và tăng 9,14% so với tháng 6/2025; Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026, Trung Quốc duy trì vị trí dẫn đầu với kim ngạch đạt 3 tỷ USD (chiếm 50,68% thị phần), tăng nhẹ 4,90% so với cùng kỳ năm 2025.

Việt Nam xếp ở vị trí thứ hai, với kim ngạch đạt 1,13 tỷ USD, giảm 5,37% so với 6 tháng cùng kỳ năm 2025, chiếm tỷ trọng 19,04%. Tính riêng tháng 6/2026, kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam tăng 31,29% so với tháng trước, nhưng giảm nhẹ 0,48% so với tháng 6/2025, với trị giá 194,21 triệu USD.

Xếp ở vị trí thứ ba là Campuchia với kim ngạch nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt 416,80 triệu USD, tăng 22,71% so với cùng kỳ năm 2025. Tương tự như Bangladesh, Campuchia có lợi thế hơn so với các đối thủ về chi phí nhân công. Nhiều doanh nghiệp Nhật Bản đặt hàng từ thị trường Campuchia để đa dạng hoá nguồn cung và giảm bớt sự phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc. Tuy nhiên, trong bối cảnh thương mại toàn cầu hướng đến tính bền vững và tiêu chuẩn xanh, các nhà bán lẻ Nhật Bản cũng đang đặt ra những yêu cầu ngày càng cao hơn về truy xuất nguồn gốc xuất xứ, điều kiện lao động, đây chính là thách thức buộc các doanh nghiệp dệt may Campuchia phải thay đổi chiến lược sản xuất kinh doanh để phù hợp với tình hình chung.

Ngoài ra, Nhật Bản còn nhập khẩu hàng dệt may từ nhiều thị trường lớn khác như: Bangladesh, Myanmar, Indonesia và Italia, với kim ngạch lần lượt đạt 330,61 triệu USD; 235,38 triệu USD; 153,76 triệu USD và 150,09 triệu USD. Đáng chú ý, trong nhóm 30 thị trường lớn nhất, nhập khẩu từ thị trường Lào ghi nhận mức tăng mạnh nhất so với cùng kỳ năm 2025 so với các thị trường khác, với kim ngạch đạt 5,5 triệu USD, tăng 52,69%, chiếm tỷ trọng 0,09%. Ở chiều ngược lại, nhập khẩu từ nguồn cung Peru lại ghi nhận mức giảm mạnh nhất, với kim ngạch đạt 6,04 triệu USD, giảm 27,17%; chiếm tỷ trọng 0,10%.

**Bảng 5: Nhóm các thị trường xuất khẩu hàng dệt may (mã HS 61) nhiều nhất
vào Nhật Bản trong 6 tháng đầu năm 2026**

Thị trường	Tháng 6/2026 (nghìn USD)	So với tháng 5/2026 (%)	So với tháng 6/2025 (%)	6 tháng năm 2026 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2025 (%)	Tỷ trọng 6 tháng năm 2026 (%)
<i>Thế giới</i>	893.571	11,00	4,94	5.918.343	2,20	100,00
Trung Quốc	437.546	4,40	9,14	2.999.360	4,90	50,68
Việt Nam	194.208	31,29	-0,48	1.126.999	-5,37	19,04
Campuchia	61.311	40,44	57,38	416.800	22,71	7,04
Bangladesh	37.564	-23,83	-23,13	330.609	-8,42	5,59
Myanmar	24.350	-22,45	15,15	235.378	18,50	3,98
Indonesia	22.302	1,92	21,97	154.759	10,11	2,61
Italia	27.290	16,99	-12,39	150.093	-8,15	2,54
Thái Lan	21.408	51,01	-16,12	112.548	-16,28	1,90
Malaysia	12.114	55,19	-11,65	68.633	-4,78	1,16
Bồ Đào Nha	8.256	20,38	-6,84	48.625	-3,76	0,82
Ấn Độ	6.776	31,01	-4,21	43.992	6,97	0,74
Thổ Nhĩ Kỳ	5.982	-10,40	-6,84	37.092	-2,79	0,63
Philippines	3.571	27,26	-20,68	21.352	-21,23	0,36
Pakistan	2.215	16,89	17,51	14.496	10,46	0,24
Hàn Quốc	2.222	24,27	8,13	13.757	-5,07	0,23
Hoa Kỳ	1.638	-25,21	-22,11	13.212	-20,84	0,22
Romania	2.852	55,08	-20,65	13.168	7,93	0,22
Sri Lanka	1.482	-36,53	-21,04	11.116	1,91	0,19
Vương quốc Anh	2.847	109,96	7,68	10.443	6,54	0,18
Pháp	1.580	78,73	-12,12	9.081	0,03	0,15
Ma-rốc	1.574	9,99	-17,68	8.284	-2,70	0,14
Honduras	797	-43,56	-43,99	8.132	-7,24	0,14
Bulgaria	1.026	-25,22	-19,28	6.758	-2,24	0,11
Tunisia	1.258	-5,20	35,27	6.562	19,29	0,11
Peru	817	-2,62	-9,72	6.041	-27,17	0,10
Lào	690	19,79	201,31	5.500	52,69	0,09
Moldova	1.966	75,07	68,76	5.276	14,13	0,09
Mexico	1.184	256,63	68,66	5.035	-10,93	0,09
Đài Loan (Trung Quốc)	521	9,92	-10,02	3.297	-6,04	0,06
Colombia	1.254	1206,25	218,27	3.013	8,11	0,05

Nguồn: Trung tâm thương mại quốc tế (ITC)

II. THÔNG TIN CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH HÀNG DỆT MAY

Lượng hạn ngạch thuế quan đối với hàng dệt may xuất khẩu sang Mexico năm 2026 theo Hiệp định CPTPP

Ngày 20/5/2026, Bộ trưởng Bộ Công Thương ký ban hành Quyết định số 1157/QĐ-BCT về lượng hạn ngạch thuế quan đối với hàng dệt may xuất khẩu sang Mexico năm 2026 theo Hiệp định CPTPP. Quyết định số 1157/QĐ-BCT có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

DANH MỤC HÀNG DỆT MAY ÁP DỤNG HẠN NGẠCH THUẾ QUAN XUẤT KHẨU SANG MEXICO THEO HIỆP ĐỊNH CPTPP NĂM 2026

STT	Mô tả hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng
01	Sợi phân loại ở nhóm 5202 đến 5207, 5508, 5509, 5511 và vải phân loại ở Chương 60 và sản phẩm phân loại ở Chương 58, nhóm 5902 và 5910 được sản xuất tại Việt Nam từ các nguyên phụ liệu có số thứ tự 2 và 3 trong Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 55/2025/TT-BCT	Kg	250.000
02	Quần áo dệt kim phân loại ở Chương 61 tại cột Yêu cầu đầu ra số thứ tự 4, 7 của Phụ lục II được sản xuất tại Việt Nam từ các nguyên phụ liệu được nêu trong cột mô tả của các số trên trong Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 55/2025/TT-BCT	Chiếc	2.500.000
03	Quần áo dệt thoi phân loại ở Chương 62 tại cột Yêu cầu đầu ra tại số thứ tự 5 và 6 của Phụ lục II được sản xuất tại Việt Nam sử dụng nguyên phụ liệu được nêu tại cột mô tả của các số trên của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 55/2025/TT-BCT.	Chiếc	750.000
04	Hàng dệt may thuộc các mã HS 6111.30, 6209.30 và tơ trẻ em làm từ sợi tổng hợp thuộc mã HS 9619	Chiếc	50.000

III. ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ DỰ BÁO

Dự báo trong quý III/2026, xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang các thị trường thành viên Hiệp định CPTPP có khả năng đảo chiều tăng nhẹ, nhờ nhu cầu nhập khẩu tại các thị trường chủ lực như Nhật Bản, Canada, Australia và Mexico phục hồi theo chu kỳ nhập hàng cho mùa Thu – Đông và mùa mua sắm cuối năm. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp dệt may lớn đã có đơn hàng đến hết quý III, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu trong thời gian tới.

Tuy nhiên, triển vọng xuất khẩu trong những tháng cuối năm vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định, phụ thuộc đáng kể vào diễn biến kinh tế và tình hình địa chính trị toàn cầu. Căng thẳng tại khu vực Trung Đông có thể không tác động trực tiếp đến nhu cầu nhập khẩu dệt may tại các thị trường CPTPP, nhưng làm gia tăng chi phí và rủi ro đối với chuỗi cung ứng toàn cầu. Hoạt động vận tải qua Biển Đỏ và eo biển Hormuz gặp khó khăn có thể khiến các hãng tàu phải thay đổi hành trình, kéo dài thời gian vận chuyển và làm tăng cước vận tải, phí bảo hiểm. Đồng thời, giá dầu tăng gây sức ép lên chi phí nguyên liệu đầu vào như sợi polyester, thuốc nhuộm và hóa chất có nguồn gốc từ dầu mỏ, qua đó làm gia tăng chi phí sản xuất của doanh nghiệp dệt may. Trong bối cảnh đó, việc nâng cao năng lực quản trị, chủ động nguồn nguyên liệu, đa dạng hóa thị trường và tăng khả năng thích ứng với biến động của chuỗi cung ứng là những yêu cầu quan trọng đối với doanh nghiệp trong thời gian tới.

Về phía cơ quan quản lý, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, đồng thời tăng cường kết nối với các đối tác tại các thị trường thành viên CPTPP. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh cung cấp thông tin về thị trường, chính sách thương mại, tiêu chuẩn kỹ thuật và xu hướng tiêu dùng tại từng thị trường, qua đó giúp doanh

nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất, đáp ứng yêu cầu của đối tác và khai thác hiệu quả hơn các ưu đãi từ Hiệp định CPTPP.

Phụ trách theo dõi nhiệm vụ

Người thực hiện

Đặng Thùy Dương

Doãn Khánh Huyền